# CÁC LOẠI HỘP THOẠI:

* Confirm(): hộp thoại xác nhận => return 2 giá trị true và false.
* Promt(): hàm lấy thông tin

Void trong JS dùng để tạo giá trị undefine, hàm

Vd: void alert(‘a’) => return hàm alert, a = void( b = 5, c = 6) => return undefine.

Window.print() là câu lệnh dùng để in trang web theo event onclick nhưng nó không thực sự hiệu quả.

# CÁC LOẠI THUỘC TÍNH BOOLEAN:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Miêu tả** |
| [**constructor**](https://vietjack.com/javascript/boolean_constructor_trong_javascript.jsp) | Trả về một tham chiếu tới hàm Boolean mà tạo đối tượng đó. |
| [**prototype**](https://vietjack.com/javascript/thuoc_tinh_object_prototype_trong_javascript.jsp) | Thuộc tính prototype cho phép bạn thêm các thuộc tính và phương thức tới một đối tượng. |

Phương thức:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức** | **Miêu tả** |
| [**toSource()**](https://vietjack.com/javascript/boolean_tosource_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi chứa nguồn của đối tượng Boolean; bạn có thể sử dụng chuỗi này để tạo một đối tượng tương đương. |
| [**toString()**](https://vietjack.com/javascript/boolean_tostring_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi: hoặc "true" hoặc "false" phụ thuộc vào giá trị của đối tượng. |
| [**valueOf()**](https://vietjack.com/javascript/boolean_valueof_trong_javascript.jsp) | Returns the primitive value of the Boolean object. |

# ĐỐI TƯỢNG STRING:

Thuộc tính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Miêu tả** |
| [**constructor**](https://vietjack.com/javascript/thuoc_tinh_string_constructor_trong_javascript.jsp) | Trả về một tham chiếu tới hàm String mà tạo đối tượng đó |
| [**length**](https://vietjack.com/javascript/thuoc_tinh_string_length_trong_javascript.jsp) | Trả về độ dài của chuỗi |
| [**prototype**](https://vietjack.com/javascript/thuoc_tinh_object_prototype_trong_javascript.jsp) | Thuộc tính prototype cho phép bạn thêm các thuộc tính và phương thức tới một đối tượng. |

Phương thức:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức** | **Miêu tả** |
| [**charAt()**](https://vietjack.com/javascript/string_charat_trong_javascript.jsp) | Trả về ký tự tại chỉ mục (index) đã xác định |
| [**charCodeAt()**](https://vietjack.com/javascript/string_charcodeat_trong_javascript.jsp) | Trả về một số chỉ dẫn giá trị Unicode của ký tự tại chỉ mục đã cho |
| [**concat()**](https://vietjack.com/javascript/string_concat_trong_javascript.jsp) | so khớp văn bản của hai chuỗi và trả về một chuỗi mới |
| [**indexOf()**](https://vietjack.com/javascript/indexof_trong_javascript.jsp) | Trả về chỉ mục trong đối tượng String đang gọi của sự xảy ra đầu tiên của giá trị đã xác định, hoặc -1 nếu không tìm thấy |
| [**lastIndexOf()**](https://vietjack.com/javascript/string_lastindexof_trong_javascript.jsp) | Trả về chỉ mục trong đối tượng String đang gọi của sự xảy ra cuối cùng của giá trị đã xác định, hoặc -1 nếu không tìm thấy |
| [**localeCompare()**](https://vietjack.com/javascript/string_localecompare_trong_javascript.jsp) | Trả về một số chỉ dẫn có hay không một chuỗi tham chiếu đến trước hoặc sau hoặc là giống với chuỗi đã cho trong thứ tự phân loại |
| [**match()**](https://vietjack.com/javascript/string_match_trong_javascript.jsp) | Được sử dụng để so khớp một Regular Expression với một chuỗi |
| [**replace()**](https://vietjack.com/javascript/string_replace_trong_javascript.jsp) | Được sử dụng để tìm một so khớp giữa Regular Expression đã cho và một chuỗi, và để thay thế chuỗi phụ đã so khớp với một chuỗi phụ mới |
| [**search()**](https://vietjack.com/javascript/string_search_trong_javascript.jsp) | Thực thi việc tìm kiếm cho một sự so khớp giữa một Regular Expression và một chuỗi đã xác định |
| [**slice()**](https://vietjack.com/javascript/string_slice_trong_javascript.jsp) | Trích (extract) một khu vực của một chuỗi và trả về một chuỗi mới |
| [**split()**](https://vietjack.com/javascript/string_split_trong_javascript.jsp) | Chia một đối tượng String thành một mảng của các chuỗi bằng việc phân chia chuỗi thành các chuỗi phụ |
| [**substr()**](https://vietjack.com/javascript/string_substr_trong_javascript.jsp) | Trả về các ký tự trong một chuỗi bắt đầu tại vị trí đã xác định với một số ký tự đã xác định |
| [**substring()**](https://vietjack.com/javascript/string_substring_trong_javascript.jsp) | Trả về các ký tự trong một chuỗi giữa hai chỉ mục (index) bên trong chuỗi đó |
| [**toLocaleLowerCase()**](https://vietjack.com/javascript/string_tolocalelowercase_trong_javascript.jsp) | Các ký tự bên trong một chuỗi được biến đổi thành kiểu chữ thường đồng thời tôn trọng Locale hiện tại |
| [**toLocaleUpperCase()**](https://vietjack.com/javascript/string_tolocaleuppercase_trong_javascript.jsp) | Các ký tự bên trong một chuỗi được biến đổi thành kiểu chữ hoa đồng thời tôn trọng Locale hiện tại |
| [**toLowerCase()**](https://vietjack.com/javascript/string_tolowercase_trong_javascript.jsp) | Trả về giá trị chuỗi đang gọi được biến đổi thành kiểu chữ thường |
| [**toString()**](https://vietjack.com/javascript/string_tostring_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi biểu diễn đối tượng đã xác định |
| [**toUpperCase()**](https://vietjack.com/javascript/string_touppercase_trong_javascript.jsp) | Trả về giá trị chuỗi đang gọi được biến đổi thành kiểu chữ hoa |
| [**valueOf()**](https://vietjack.com/javascript/string_valueof_trong_javascript.jsp) | Trả về giá trị gốc của đối tượng đã xác định |

**String HTML Wrappers**

Dưới đây là danh sách các phương thức mà trả về một bản sao của chuỗi được gói bên trong một thẻ HTML thích hợp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức** | **Miêu tả** |
| [**anchor()**](https://vietjack.com/javascript/string_anchor_trong_javascript.jsp) | Tạo một HTML Anchor mà được sử dụng như là một mục tiêu siêu văn bản (hypertext target) |
| [**big()**](https://vietjack.com/javascript/string_big_trong_javascript.jsp) | Tạo một chuỗi để được hiển thị trong một big font như thể nó trong một thẻ <big> |
| [**blink()**](https://vietjack.com/javascript/string_blink_trong_javascript.jsp) | Tạo một chuỗi nhấp nháy như thể nó trong một thẻ <blink> |
| [**bold()**](https://vietjack.com/javascript/string_bold_trong_javascript.jsp) | Tạo một chuỗi để được hiển thị ở dạng in đậm như thể nó trong một thẻ <b> |
| [**fixed()**](https://vietjack.com/javascript/string_fixed_trong_javascript.jsp) | Tạo một chuỗi để được hiển thị trong một font cố định như thể nó trong một thẻ <tt> |
| [**fontcolor()**](https://vietjack.com/javascript/string_fontcolor_trong_javascript.jsp) | Tạo một chuỗi để được hiển thị theo một màu cố định như khi nó trong một thẻ <font color="color"> |
| [**fontsize()**](https://vietjack.com/javascript/string_fontsize_trong_javascript.jsp) | Làm một chuỗi được hiển thị trong một kích cỡ font xác định như khi nó trong một thẻ <font size="size"> |
| [**italics()**](https://vietjack.com/javascript/string_italics_trong_javascript.jsp) | Làm một chuỗi ở dạng in nghiêng như khi nó trong một thẻ <i> |
| [**link()**](https://vietjack.com/javascript/string_link_trong_javascript.jsp) | Tạo một HTML link siêu văn bản mà yêu cầu URL khác |
| [**small()**](https://vietjack.com/javascript/string_small_trong_javascript.jsp) | Làm một chuỗi hiển thị ở dạng Small font như khi nó trong một thẻ <small> |
| [**strike()**](https://vietjack.com/javascript/string_strike_trong_javascript.jsp) | Làm một chuỗi hiển thị ở dạng văn bản gạch ngang như khi nó trong một thẻ <strike> |
| [**sub()**](https://vietjack.com/javascript/string_sub_trong_javascript.jsp) | Làm một chuỗi hiển thị ở dạng chỉ số dưới như khi nó trong một thẻ <sub> |
| [**sup()**](https://vietjack.com/javascript/string_sup_trong_javascript.jsp) | Làm một chuỗi hiển thị ở dạng chỉ số trên như khi nó trong một thẻ <sup> |

# ARRAY:

Thuộc tính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Miêu tả** |
| [**constructor**](https://vietjack.com/javascript/array_constructor_trong_javascripst.jsp) | Trả về một tham chiếu tới hàm array mà tạo đối tượng đó. |
| index | Thuộc tính biểu diễn chỉ mục dựa trên zero của sự so khớp trong chuỗi. |
| input | Thuộc tính này chỉ có mặt trong các mảng được tạo bởi các so khớp Regular Expression. |
| [**length**](https://vietjack.com/javascript/array_length_trong_javascript.jsp) | Phản ánh số phần tử trong một mảng. |
| [**prototype**](https://vietjack.com/javascript/thuoc_tinh_object_prototype_trong_javascript.jsp) | Thuộc tính prototype cho phép bạn thêm các thuộc tính và phương thức tới một đối tượng. |

Phương thức:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức** | **Miêu tả** |
| [**concat()**](https://vietjack.com/javascript/array_concat_trong_javascript.jsp) | Trả về một mảng mới bao gồm mảng này kết hợp với các mảng khác và/hoặc giá trị khác. |
| [**every()**](https://vietjack.com/javascript/array_every_trong_javascript.jsp) | Trả về true nếu mỗi phần tử trong mảng này thỏa mãn hàm kiểm tra đã cho. |
| [**filter()**](https://vietjack.com/javascript/array_filter_trong_javascript.jsp) | Tạo một mảng mới với tất cả các phần tử của mảng này, mà hàm lọc đã cho trả về true. |
| [**forEach()**](https://vietjack.com/javascript/array_foreach_trong_javascript.jsp) | Gọi một hàm cho mỗi phần tử trong mảng. |
| [**indexOf()**](https://vietjack.com/javascript/array_indexof_trong_javascrip.jsp) | Trả về chỉ mục đầu tiên (thấp nhất) của một phần tử trong mảng tương đương với giá trị đã cho, hoặc -1 nếu không được tìm thấy. |
| [**join()**](https://vietjack.com/javascript/array_join_trong_javascript.jsp) | Kết hợp tất cả phần tử trong một mảng vào trong một chuỗi. |
| [**lastIndexOf()**](https://vietjack.com/javascript/array_lastindexof_trong_javascript.jsp) | Trả về chỉ mục cuối cùng (lớn nhất) của một phần tử trong mảng tương đương với giá trị đã cho, hoặc -1 nếu không được tìm thấy. |
| [**map()**](https://vietjack.com/javascript/array_map_trong_javascript.jsp) | Tạo một mảng mới với các kết quả của việc gọi một hàm đã cho trên mỗi phần tử của mảng này. |
| [**pop()**](https://vietjack.com/javascript/array_pop_trong_javascript.jsp) | Gỡ bỏ phần tử cuối cùng từ một mảng và trả về phần tử đó. |
| [**push()**](https://vietjack.com/javascript/array_push_trong_javascript.jsp) | Thêm một hoặc nhiều phần tử tới phần cuối của một mảng và trả về độ dài mới của mảng. |
| [**reduce()**](https://vietjack.com/javascript/array_reduce_trong_javascript.jsp) | Áp dụng một hàm đồng thời với hai giá trị của mảng (từ trái qua phải) khi để giảm nó tới một giá trị đơn. |
| [**reduceRight()**](https://vietjack.com/javascript/array_reduceright_trong_javascript.jsp) | Áp dụng một hàm đồng thời với hai giá trị của mảng (từ phải qua trái) khi để giảm nó tới một giá trị đơn. |
| [**reverse()**](https://vietjack.com/javascript/array_reverse_trong_javascript.jsp) | Đảo ngược thứ tự của các phần tử của một mảng – Đầu tiên trở thành cuối cùng và cuối cùng trở thành đầu tiên. |
| [**shift()**](https://vietjack.com/javascript/array_shift_trong_javascript.jsp) | Gỡ bỏ phần tử đầu tiên từ một mảng và trả về phần tử đó. |
| [**slice()**](https://vietjack.com/javascript/array_slice_trong_javascript.jsp) | Extract – trích một khu vực của một mảng và trả về một mảng mới. |
| [**some()**](https://vietjack.com/javascript/array_some_trong_javascript.jsp) | Trả về true nếu có ít nhất một phần tử trong mảng này thỏa mãn hàm kiểm tra đã cho. |
| [**toSource()**](https://vietjack.com/javascript/array_tosource_trong_javascript.jsp) | Biểu diễn code nguồn của một đối tượng. |
| [**sort()**](https://vietjack.com/javascript/array_sort_trong_javascript.jsp) | Sắp xếp các phần tử của một mảng. |
| [**splice()**](https://vietjack.com/javascript/array_splice_trong_javascript.jsp) | Thêm và/hoặc gỡ bỏ các phần tử từ một mảng. |
| [**toString()**](https://vietjack.com/javascript/array_tostring_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi biểu diễn mảng đó và các phần tử của nó. |
| [**unshift()**](https://vietjack.com/javascript/array_unshift_trong_javascript.jsp) | Thêm một hoặc nhiều phần tử tới phần đầu của một mảng và trả về độ dài mới của mảng. |

# DATE:

Cú pháp:

new Date( )

new Date(milliseconds)

new Date(datestring)

new Date(year,month,date[,hour,minute,second,millisecond ])

**Không có tham số** − Với việc không có tham số, Date() constructor tạo một đối tượng Date thiết lập về thời gian và ngày hiện tại.

**milliseconds** − Khi một tham số giá trị số được truyền, nó nhận sự biểu diễn giá trị số nội bộ của ngày bằng đơn vị mili giây, khi được trả về bởi phương thức getTime(). Ví dụ, truyền tham số 5000 tạo một ngày mà biểu diễn 5 giây trước nửa đêm ngày 1/1/1970.

**datestring** − Khi một tham số chuỗi được truyền, nó là một biểu diễn chuỗi của một ngày, trong định dạng được chấp nhận bởi phương thức **Date.parse()**.

**7 agruments** − Để sử dụng Form cuối của constructor đã chỉ ở trên. Sau đây chúng tôi miêu tả từng tham số một:

**year** − Giá trị integer biểu diễn năm. Để tương thích (tránh vấn đề Y2K), bạn nên luôn luôn xác định năm đầy đủ, sử dụng 1998 thay vì 98.

**month** − Giá trị integer biểu diễn tháng, bắt đầu với 0 cho tháng 1 và 11 cho tháng 12.

**date** − Giá trị integer biểu diễn ngày trong tháng.

**hour** − Giá trị integer biểu diễn giờ trong ngày (24 giờ).

**minute** − Giá trị integer biểu diễn phút.

**second** − Giá trị integer biểu diễn giây.

**millisecond** − Giá trị integer biểu diễn mili giây.

Thuộc tính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thuộc tính** | **Miêu tả** |
| [**constructor**](https://vietjack.com/javascript/date_constructor_trong_javascript.jsp) | Xác định hàm mà tạo một prototype của đối tượng. |
| [**prototype**](https://vietjack.com/javascript/thuoc_tinh_object_prototype_trong_javascript.jsp) | Thuộc tính này cho phép bạn thêm các thuộc tính và phương thức tới một đối tượng. |

Phương thức:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phương thức** | **Miêu tả** |
| [**Date()**](https://vietjack.com/javascript/date_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày và thời gian của ngày hôm nay. |
| [**getDate()**](https://vietjack.com/javascript/date_getdate_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày trong tháng cho ngày xác định theo Local time |
| [**getDay()**](https://vietjack.com/javascript/date_getday_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày trong tuần cho ngày xác định theo Local time |
| [**getFullYear()**](https://vietjack.com/javascript/date_getfullyear_trong_javascript.jsp) | Trả về năm của ngày đã cho theo Local time |
| [**getHours()**](https://vietjack.com/javascript/date_gethours_trong_javascript.jsp) | Trả về giờ của ngày đã cho theo Local time |
| [**getMilliseconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_getmilliseconds_trong_javascript.jsp) | Trả về mili giây của ngày đã cho theo Local time |
| [**getMinutes()**](https://vietjack.com/javascript/date_getminutes_trong_javascript.jsp) | Trả về phút của ngày đã cho theo Local time |
| [**getMonth()**](https://vietjack.com/javascript/date_getmonth_trong_javascript.jsp) | Trả về tháng của ngày đã cho theo Local time |
| [**getSeconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_getseconds_trong_javascript.jsp) | Trả về giây của ngày đã cho theo Local time |
| [**getTime()**](https://vietjack.com/javascript/date_gettime_trong_javascript.jsp) | Trả về giá trị số của ngày đã cho khi số mili giây từ tháng 1/1970, 00:00:00 UTC. |
| [**getTimezoneOffset()**](https://vietjack.com/javascript/date_gettimezoneoffset_trong_javascript.jsp) | Trả về Time-zone Offset bằng phút cho Locale hiện tại. |
| [**getUTCDate()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcdate_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày trong tháng của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCDay()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcday_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày trong tuần của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCFullYear()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcfullyear_trong_javascript.jsp) | Trả về năm của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCHours()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutchours_trong_javascript.jsp) | Trả về giờ của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCMilliseconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcmilliseconds_trong_javascript.jsp) | Trả về mili giây của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCMinutes()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcminutes_trong_javascript.jsp) | Trả về phút của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCMonth()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcmonth_trong_javascript.jsp) | Trả về tháng của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getUTCSeconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_getutcseconds_trong_javascript.jsp) | Trả về giây của ngày đã cho theo Universal time |
| [**getYear()**](https://vietjack.com/javascript/date_getyear_trong_javascript.jsp) | **Phương thức cũ** - Trả về năm của ngày đã cho theo Local time. Bạn sử dụng getFullYear để thay thế. |
| [**setDate()**](https://vietjack.com/javascript/date_setdate_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày của tháng cho ngày đã xác định theo Local time. |
| [**setFullYear()**](https://vietjack.com/javascript/date_setfullyear_trong_javascript.jsp) | Thiết lập năm đầy đủ cho ngày đã cho theo Local time. |
| [**setHours()**](https://vietjack.com/javascript/date_sethours_trong_javascript.jsp) | Thiết lập giờ cho ngày đã cho theo Local time. |
| [**setMilliseconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_setmilliseconds_trong_javascript.jsp) | Thiết lập mili giây cho ngày đã cho theo Local time. |
| [**setMinutes()**](https://vietjack.com/javascript/date_setminutes_trong_javascript.jsp) | Thiết lập phút cho ngày đã cho theo Local time. |
| [**setMonth()**](https://vietjack.com/javascript/date_setmonth_trong_javascript.jsp) | Thiết lập tháng cho ngày đã cho theo Local time. |
| [**setSeconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_setseconds_trong_javascript.jsp) | Thiết lập giây cho ngày đã cho theo Local time. |
| [**setTime()**](https://vietjack.com/javascript/date_settime_trong_javascript.jsp) | Thiết lập thời gian đối tượng Date được biểu diễn bởi số mili giây từ tháng 1, 1970, 00:00:00 UTC. |
| [**setUTCDate()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutcdate_trong_javascript.jsp) | Thiết lập ngày của tháng cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setUTCFullYear()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutcfullyear_trong_javascript.jsp) | Thiết lập năm đầy đủ cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setUTCHours()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutchours_trong_javascript.jsp) | Thiết lập giờ cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setUTCMilliseconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutcmilliseconds_trong_javascrip.jsp) | Thiết lập mili giây cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setUTCMinutes()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutcminutes_trong_javascript.jsp) | Thiết lập phút cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setUTCMonth()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutcmonth_trong_javascript.jsp) | Thiết lập tháng cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setUTCSeconds()**](https://vietjack.com/javascript/date_setutcseconds_trong_javascript.jsp) | Thiết lập giây cho ngày đã cho theo Universal time |
| [**setYear()**](https://vietjack.com/javascript/date_setyear_trong_javascript.jsp) | **Phương thức cũ -**Thiết lập năm cho ngày đã cho theo Local time. Bạn dùng setFullYear để thay thế. |
| [**toDateString()**](https://vietjack.com/javascript/date_todatestring_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi ngày mà con người đọc được. |
| [**toGMTString()**](https://vietjack.com/javascript/date_togmtstring_trong_javascript.jsp) | **Phương thức cũ -**Biến đổi 1 ngày thành 1 chuỗi bởi sử dụng các qui ước Internet GMT. Bạn dùng toUTCString để thay thế. |
| [**toLocaleDateString()**](https://vietjack.com/javascript/date_tolocaledatestring_trong_javascript.jsp) | Trả về ngày dưới dạng chuỗi, sử dụng qui ước của Locale hiện tại |
| [**toLocaleFormat()**](https://vietjack.com/javascript/date_tolocaleformat_trong_javascript.jsp) | Biến đổi ngày thành chuỗi, sử dụng chuỗi định dạng. |
| [**toLocaleString()**](https://vietjack.com/javascript/date_tolocalestring_trong_javascript.jsp) | Biến đổi ngày thành chuỗi, sử dụng các qui ước của Locale hiện tại. |
| [**toLocaleTimeString()**](https://vietjack.com/javascript/date_tolocaletimestring_trong_javascript.jsp) | Trả về thời gian của một ngày ở dạng chuỗi, sử dụng qui ước của Locale hiện tại. |
| [**toSource()**](https://vietjack.com/javascript/date_tosource_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi biểu diễn nguồn cho một đối tượng Date tương đương, bạn có thể sử dụng giá trị này để tạo một đối tượng mới. |
| [**toString()**](https://vietjack.com/javascript/date_tostring_trong_javascript.jsp) | Trả về một chuỗi biểu diễn đối tượng Date đã cho. |
| [**toTimeString()**](https://vietjack.com/javascript/date_totimestring_trong_javascript.jsp) | Trả về thời gian của đối tượng Date ở dạng chuỗi con người đọc được. |
| [**toUTCString()**](https://vietjack.com/javascript/date_toutcstring_trong_javascript.jsp) | Biến đổi một ngày thành một chuỗi, sử dụng qui ước Universal time. |
| [**valueOf()**](https://vietjack.com/javascript/date_valueof_trong_javascript.jsp) | Trả về giá trị ban đầu của một đối tượng Date. |

# HTML DOM (Document Object Model)

**Đối tượng Window** − Cấp độ cao nhất trong cấu trúc. Nó là phần tử xa nhất trong thứ bậc đối tượng.

**Đối tượng Document** − Mỗi tài liệu HTML tải vào trong một cửa sổ trở thành một đối tượng Document. Đối tượng này chứa nội dung của trang.

**Đối tượng Form** − Mọi thứ trong thẻ <form>...</form> thiết lập đối tượng Form.

**Đối tượng Form control** − Đối tượng Form chứa tất cả phần tử được định nghĩa cho đối tượng đó như các trường văn bản, các nút, và các hộp văn bản.

Dưới đây là một cấu trúc thứ bậc đơn giản của một số đối tượng quan trọng:

****

# ACEPTION VÀ XỬ LÍ LỖI:

Dùng Try { } Catch() {}.., Try{} Catch{} Finally {}... giống C++

Window.onerror() dùng để xử lí lỗi và kích hoạt trên đối tượng window.

# FROM VALIDICATION (XỬ LÍ LỖI GỬI FORM)

**Thẩm định cơ bản (Basic Form Validation)** − Đầu tiên, Form phải được kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả các trường bắt buộc được nhập đầy đủ. Nó sẽ yêu cầu chỉ một vòng lặp qua mỗi trường trong Form và kiểm tra dữ liệu.

**Thẩm định định dạng dữ liệu (Data Format Validation)** − Thứ hai, dữ liệu đã nhập phải được kiểm tra tính chính xác của Form và giá trị. Code của bạn phải có tính logic thích hợp để kiểm tra sự chính xác của dữ liệu.

# HIỆU ỨNG (ANIMATION) TRONG JAVASCRIPT

**setTimeout( function, duration)** − Hàm này gọi **Hàm** sau quãng thời gian **duration** (tính bằng mili giây) từ bây giờ.

**setInterval(function, duration)** − Hàm này gọi **Hàm** sau mỗi quãng thời gian **duration** (tính bằng mili giây).

**clearTimeout(setTimeout\_variable)** − Hàm này xóa bất cứ bộ bấm giờ nào được thiết lập bởi các hàm setTimeout().

# ĐA PHƯƠNG TIỆN (MULTIMEDIA) TRONG JAVASCRIPT

Đối tượng **navigator** trong JavaScript bao gồm một đối tượng con gọi là **plugins**. Đối tượng này là một mảng, với một cổng vào (entry) cho mỗi plug-in được cài đặt trên trình duyệt. Đối tượng navigator.plugins chỉ được hỗ trợ bởi Netscape, Firefox và Mozilla.

# KHẢ NĂNG TRÌNH DUYỆT TRONG JAVASCRIPT

**Các thuộc tính của Navigator**

Có một số thuộc tính liên quan đến Navigator mà bạn có thể sử dụng trong trang web của bạn. Bảng dưới liệt kê tên và miêu tả về chúng.

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Thuộc tính và Miêu tả** |
| 1 | **appCodeName**  Thuộc tính này là một chuỗi mà chứa tên code của trình duyệt, như Netscape cho Netscape và Microsoft Internet Explorer cho IE. |
| 2 | **appVersion**  Thuộc tính này là một chuỗi mà chứa phiên bản của trình duyệt cũng như thông tin hữu ích khác như ngôn ngữ và khả năng tương thích của nó. |
| 3 | **language**  Thuộc tính này chứa hai chữ viết tắt cho ngôn ngữ mà được sử dụng bởi trình duyệt. Chỉ dành cho Netscape. |
| 4 | **mimTypes[]**  Thuộc tính này là một mảng chứa tất cả kiểu MIME được hỗ trợ bởi Client. Chỉ dành cho Netscape. |
| 5 | **platform[]**  Thuộc tính này là một chuỗi chứa platform mà trình duyệt được biên dịch. "Win32" cho Hệ điều hành Windows 32 bit. |
| 6 | **plugins[]**  Thuộc tính này là một mảng chứa tất cả plug-in đã được cài đặt trên client. Chỉ dành cho Netscape. |
| 7 | **userAgent[]**  Thuộc tính này là một chuỗi mà chứa tên code và phiên bản của trình duyệt. Giá trị này được gửi tới Server nguồn để nhận diện Client. |

**Các phương thức Navigator**

Dưới đây là danh sách các phương thức Navigator và miêu tả.

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Miêu tả** |
| 1 | **javaEnabled()**  Phương thức này quyết định nếu JavaScript được kích hoạt trong Client. Nếu JavaScript được kích hoạt, phương thức này trả về true, nếu không thì nó trả về false. |
| 2 | **plugings.refresh**  Phương thức này tạo plug-in được cài đặt mới nhất và đặt các mảng plugins với tất cả tên plug-in mới. Chỉ dành cho Netscape. |
| 3 | **preference(name,value)**  Phương thức này cho phép một script đã đánh dấu để nhận và thiết lập một số quyền ưu tiên Netscape. Nếu tham số thứ hai bị bỏ qua, phương thức này sẽ trả về giá trị của quyền ưu tiên đã xác định; nếu không thì, nó thiết lập giá trị đó. Chỉ dành cho Netscape. |
| 4 | **taintEnabled()**  Phương thức này trả về true nếu dữ liệu hỏng (data tainting) được kích hoạt; nếu không là false. |